

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Ba.

2. Ông Châu Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Huỳnh Thanh Tân-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hoàng Y**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Huỳnh Thanh D**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày **20/4/2022**, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D quen biết và sống chung từ năm 2018, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố A, tỉnh Long An tại giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 05/10/2018. Quá trình chung sống, vợ chồng sống rất hòa thuận và hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm, lối sống tính tình không còn hòa

hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Anh D không lo lắng cho gia đình, không lo làm ăn mà còn cờ bạc. Mặc dù vợ chồng cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng vẫn không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên không thể sống chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh D.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thiên Tr sinh ngày 25/01/2019 và Huỳnh Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 06/7/2021, hai con đang sống với chị Y, ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh D cấp dưỡng mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Thanh D tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2022 trình bày: Anh thống nhất với chị Y về thời gian và địa điểm kết hôn. Thời gian vợ chồng sống chung cũng có mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu giữa anh và cha vợ, hai bên có cự cãi trong lúc không kiềm chế anh có nói là đâm cha vợ, sau đó anh suy nghĩ lại thấy không đúng và bỏ đi. Nay chị Y yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh sẽ về xin lỗi cha vợ và rất muốn hàn gắn với chị Y cùng lo cho con, anh còn thương vợ con. Về con chung có 2 con chung như chị Y trình bày, nếu tòa cho ly hôn anh đồng ý để chị Y nuôi vì con còn nhỏ và anh cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa anh D vắng mặt nên không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án: Chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Về hôn nhân: mâu thuẫn giữa chị Y và anh D là có thật, bởi lẽ anh D thừa nhận giữa anh và cha vợ mâu thuẫn nên anh có nói đâm cha vợ và anh có bỏ đi, anh có về thăm con nhưng hai vợ chồng đã sống ly thân không còn sống chung, từ đó xác định mục đích hôn nhân giữa chị Y và anh D không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Y là có cơ sở, anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn. Về con chung: chị Y và anh D có 02 con chung là Huỳnh Thị Thiên Tr, sinh ngày 25/01/2019 và Huỳnh Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 06/7/2021 hiện đang sống với chị Y và còn nhỏ nên chị Y xin trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, anh D cũng đồng ý để chị Y nuôi và anh cấp dưỡng theo yêu cầu chị Y, nên cần ghi nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Thanh D đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và bị đơn đang cư trú tại ấp A, xã M, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị Y cho rằng chị và anh D có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh D. Về con chung, chị và anh D có 02 con chung hiện đang sống với chị, nên chị yêu cầu trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh D cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con. Về tài sản chung, nợ chung, không có chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét yêu cầu của chị Y:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Y và anh D cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Khánh, thành phố Tân An, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 05/10/2018, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Y và anh D nhiều lần mâu thuẫn. Anh D cho rằng mâu thuẫn chủ yếu là giữa anh và cha vợ, trong lúc không kiềm chế anh có nói là đâm cha vợ, sau đó nghĩ lại thấy sai nên anh bỏ đi, giữa anh và chị Y không có mâu thuẫn, nên anh không đồng ý ly hôn. Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”. Anh D không cùng chị Y chăm lo gia đình lại còn mâu thuẫn với người thân của chị Y trong khi vợ chồng đang sống chung với cha mẹ, thể hiện anh không tôn trọng, yêu thương chị Y. Anh D có về thăm con nhưng hiện anh và chị Y không còn sống chung nhà. Anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn, Tòa án triệu tập anh đến Tòa xét xử nhưng anh vắng mặt thể hiện anh không muốn hàn gắn chị Y, tại tòa chị Y vẫn cương quyết ly hôn với anh D. Anh D đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Y yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị Y và anh D có 02 con chung là Huỳnh Thị Thiên Tr, sinh ngày 25/01/2019 và Huỳnh Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 06/7/2021. Hiện hai con còn nhỏ và đang sống chung với chị Y. Chị Y yêu cầu trực tiếp nuôi hai

con là phù hợp vì hiện nay hai con của chị Y còn rất nhỏ trong đó có cháu Nhật Th dưới 36 tháng tuổi, việc giao chị Y chăm sóc con sẽ thuận tiện hơn, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Anh D đồng ý để chị Y nuôi con theo biên bản hòa giải ngày 18/7/2022 (bút lục 34-35). Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận cho chị Y được nuôi con theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Chị Y yêu cầu anh D cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con. Anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con như chị Y yêu cầu theo biên bản hòa giải ngày 18/7/2022 (bút lục 34-35). Chị Y là người trực tiếp nuôi con như nhận định [4.2] nên anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng mà chị Y yêu cầu cũng phù hợp theo quy định Điều 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Y về việc cấp dưỡng.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh D phải chịu án phí cấp dưỡng theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 8, 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoàng Y.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hoàng Y được ly hôn với anh Huỳnh Thanh D.

- Về con chung: Giao con tên Huỳnh Thị Thiên Tr, sinh ngày 25/01/2019 và Huỳnh Nguyễn Nhật Th, sinh ngày 06/7/2021 cho chị Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi. Anh Huỳnh Thanh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai

được cản trở.

- Anh D cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con trưởng thành, lao động được như sau:

+ Cấp dưỡng Huỳnh Thị Thiên Tr: 1.000.000 đồng/tháng.

+ Cấp dưỡng Huỳnh Nguyễn Nhật Th: 1.000.000 đồng/tháng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0005698 ngày 29/4/2022** của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Huỳnh Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND phường T, tp A, LA;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyền

